

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-6-2020

V/v chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Hồng**.

2. Ông **Đỗ Tứ Hải**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Quyên** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019, về tranh chấp “chia tài sản sau khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc T** – sinh năm: 1974 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn D** - sinh năm 1972 (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Cháu **Trần Thị Bích K** (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

3.2. Cháu **Trần Văn S** – sinh năm: 1992 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp N, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2019 trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Trần Văn D đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết theo bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 12/4/2018 về hôn nhân không công nhận chị và anh D là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung tên Trần Văn S, sinh ngày 29/01/1992 và cháu Trần Thị Bích K, sinh ngày 28/02/1995. Cháu S và cháu K đã thành niên nên chị và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị và anh D không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị yêu cầu chia tài sản chung của chị và anh D trong thời kỳ hôn nhân gồm có: Thửa 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m² loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất 102 là do chị và anh D nhận chuyển nhượng của người khác. Nay chị yêu cầu hưởng ½ giá trị tài sản là 444,95m² chị đồng ý để anh D quản lý, sử dụng đất. Anh D thanh toán giá trị đất lại chị là 70.000đ/m².

Đối với thửa 906, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.790m² loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa 906 là do cha mẹ ruột của anh D để lại cho anh D nhận thừa kế nên nay chị rút lại yêu cầu khởi kiện đối với thửa 906.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng anh Trần Văn D trình bày:

Trước đây anh và chị T là vợ chồng sau đó đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm giải quyết theo bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 12/4/2018.

Nay chị T yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đối với thửa 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m² loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chị T yêu cầu hưởng ½ giá trị tài sản là 444,95m² đất, chị T đồng ý để anh quản lý, sử dụng đất. Chị T yêu cầu anh thanh toán giá trị đất lại chị T là 70.000đ/m² thì anh hoàn toàn không đồng ý do thửa 102 là do cá nhân anh tự nhận chuyển nhượng đất trước khi anh và chị T về chung sống với nhau. Anh nhận chuyển nhượng vào năm 1987 của ông Trần Văn Dưỡng (đã chết) với giá là 01 chỉ vàng 24K, sau đó đến khoảng năm 1991-1992 thì anh và chị T mới về chung sống với nhau.

Đối với thửa 906, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.790m² loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay chị T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với thửa 906 không yêu cầu chia thì anh không có ý kiến gì vì thửa 906 là tài sản riêng của anh do cha mẹ anh cho riêng cá nhân anh nên anh cũng không đồng chia cho chị T.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Trần Thị Bích K vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 20/4/2020 cháu K trình bày: cháu là con ruột của ông D và bà T, nay mẹ cháu yêu cầu chia tài sản chung của cha và mẹ ở thửa 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m² loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cha cháu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cháu không có ý kiến hay yêu cầu gì cho bản thân cháu đối với thửa đất trên.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Trần Văn S vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 20/4/2020 cháu S trình bày: cháu là con ruột của ông D và bà T, nay mẹ cháu yêu cầu chia tài sản chung của cha và mẹ ở thửa 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,6m² loại đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do cha cháu đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cháu không có ý kiến hay yêu cầu gì cho bản thân cháu đối với thửa đất trên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp pháp luật, tuy nhiên đã vi phạm thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: áp dụng các Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 228, Điều 262 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị: Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu chia phần đất thuộc thửa 906, tờ bản đồ số 02 diện tích 1.790m² đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Giao cho anh Trần Văn D được quyền quản lý, sử dụng thửa số 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m², loại đất lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc anh Trần Văn D có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tương đương với số tiền là $444,95\text{m}^2 \times 70.000\text{đ} = 31.146.500\text{đ}$ (Ba mươi một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Chi phí khảo sát đo đạc và chi phí định giá tài sản không thành là: 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu, chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 1.557.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Buộc anh Trần Văn D phải nộp 1.557.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 20/3/2019; Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Đơn xin xác nhận về nơi sinh sống; Sổ hộ khẩu gia đình

(bản sao); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Dịch vụ chuyển phát nhanh, đơn xin xác nhận giá đất.

Bị đơn đã nộp: Đơn xin xác nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc chia tài sản sau khi ly hôn giữa chị và anh Trần Văn D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Văn D vắng mặt, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D cũng không đến. Nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung chị T và anh D đã được Tòa án giải quyết theo bản án số 21/2018/HNGĐ – ST ngày 12/4/2018, về tài sản chung chị T và anh D chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/6/2019 và ngày 27/8/2019 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã ra quyết định định giá tài sản và quyết định trưng cầu giám định để trưng cầu các cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc, định giá tài sản tranh chấp là thửa 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m² đất trồng lúa và thửa 906 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.790m² đất trồng lúa, cùng tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng anh D không đồng ý cho đo đạc và định giá tài sản nên cơ quan chuyên môn đã lập biên bản đo đạc không thành.

Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu chia tài sản chung của chị T và anh D trong thời kỳ hôn nhân gồm có: Thửa 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m² đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị trình bày trong thời gian sống chung sau khi sinh cháu S thì chị và anh D đã chuyển nhượng phần đất trên của ông Trần Văn Dưỡng, khi chuyển nhượng do quen biết nên không có làm giấy tờ, do chị không biết chữ nên anh D tự mình đi làm thủ tục sang tên, vì chị nghĩ là vợ chồng ai đứng tên cũng được. Chị T yêu cầu được hưởng ½ giá trị tài sản là 444.95m² đất với giá 70.0000đ/1m² thành tiền là 31.146.500đ.

Anh D không đồng ý vì anh cho rằng phần đất trên là tài sản riêng của anh, anh chuyển nhượng của ông Dưỡng lúc anh chưa cưới chị T vào năm 1987,

anh D cung cấp đơn xác nhận những người làm chứng chứng minh cho anh mua thửa đất trên trước khi cưới chị T nên anh không đồng ý chia cho chị T. Tại văn số 1027/UBND ngày 27/12/2019 về việc phúc đáp công văn của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm thì thực hiện đo đạc bản đồ địa chính chính quy (Dự án Vlap), anh Trần Văn D được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa số 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m², loại đất lúa.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh D là cấp cho hộ gia đình. Được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 5 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Từ đó cho thấy việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 102 là cấp cho hộ gia đình, theo xác nhận của Công an xã Tân Quới Trung vào năm 2012 hộ của ông Trần Văn D, sinh năm 1972, đăng ký thường trú ấp 1, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long gồm có các nhân khẩu: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1974 (vợ), Trần Văn S, sinh năm 1992 (con), Trần Thị Bích K, sinh năm 1995 (con) vào thời điểm đó chị T và anh D còn chung sống với nhau.

Xét thấy lời trình bày của anh D là không có cơ sở vì anh D trình bày là thửa 102 cá nhân anh nhận chuyển nhượng trước khi anh D và chị T về chung sống với nhau nhưng anh D không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh. Do đó xét yêu cầu của chị T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh D có nghĩa vụ chia cho chị T ½ thửa đất 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m², loại đất lúa, diện tích là 444,95m², chị T yêu cầu nhận giá trị đất, chị T yêu cầu tính giá đất là 70.000/m² thành tiền là 31.146.500đ. Anh D được quyền quản lý, sử dụng thửa số 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m², loại đất lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa hôm nay chị T rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu anh D chia thửa đất 906 tờ bản đồ số 02 diện tích 1.790m² đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của chị T.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản không thành là: 700.000đ chị T tự nguyện chịu, chị T đã nộp đủ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

Giao cho anh Trần Văn D được quyền quản lý, sử dụng thửa số 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m², loại đất lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh Trần Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc anh Trần Văn D có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T $\frac{1}{2}$ giá trị thửa đất số 102, tờ bản đồ số 15, diện tích 889,9m², loại đất lúa, tọa lạc tại ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tương đương với số tiền là $444,95\text{m}^2 \times 70.000\text{đ} = 31.146.500\text{đ}$ (Ba mươi một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T về việc yêu cầu chia phần đất thuộc thửa 906, tờ bản đồ số 02 diện tích 1.790m² đất trồng lúa, tọa lạc ấp Một, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do anh Trần Văn D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chi phí khảo sát đo đạc và chi phí định giá tài sản không thành là: 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu, chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 1.557.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 2.344.500đ (Hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn năm trăm đồng) mà chị Nguyễn Thị Ngọc T đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0009741, ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả lại chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 787.500đ (Bảy trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Buộc anh Trần Văn D phải nộp 1.557.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Tân Quới Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh